TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CĐ
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2021/HS-ST
Ngày: 19/4/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CĐ, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Hữu Nghĩa;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Hồng Diễm

Ông Phạm Hồng Hải

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Đỗ Văn Tùng – Thư ký án nhân dân huyện CĐ, tỉnh Long An.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CĐ, tỉnh Long An tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn M Vi - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 19 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CĐ, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 11/2021/TLST-HS ngày 30 tháng 3 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2021/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 4 năm 2021 đối với bị cáo:

Võ Văn C, tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1990 tại; tỉnh Bạc Liêu; Nơi cư trú: Ấp H, xã Điền H, huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Võ Văn M và bà Hồ Ánh H; Vợ: Trương Thị Mộng K; Tiền án, Tiền sự: Không.

- Nhân thân:

+ Tại Quyết định số 15 ngày 26/12/2010 Công an huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi "lén lút vào nhà người khác lấy trộm tài sản" (chấp hành xong ngày 06/01/2011).

+ Tại bản án số 22/2012/HS-ST ngày 16/7/2012, TAND huyện Đông H – tỉnh Bạc Liêu xử phạt 09 tháng tù về tội " Trộm cắp tài sản". (Chấp hành xong hình phạt tù ngày 11/01/2013).

- Bị cáo bị tạm giữ và tạm giam từ ngày 20/12/2020 cho đến nay tại nhà tạm

giữ Công an huyện CĐ (có mặt).

- ***Bị hại:*** Anh Nguyễn Hữu P, sinh năm: 2001 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp 5, xã Phước V, huyện CĐ, tỉnh Long An.

- ***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*** Chị Lâm Hồng N, sinh năm: 1972 (vắng mặt);

Địa chỉ: Phường M P, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

- ***Người làm chứng:***

1/ Lê Công L, sinh năm: 1999 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp 5, xã Hiện T, huyện A, tỉnh Cà Mau.

2/ Phan Ly B, sinh năm: 1995 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp G, xã H, huyện D, tỉnh Cà Mau.

3/ Bùi Văn N, sinh năm: 1994 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp 2, xã M, huyện Cái B, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi của bị cáo: Khoảng 19 giờ ngày 11/12/2020, Võ Văn C cùng với Phan Ly B và Lê Công L đến quán "ốc Trung" ở xã Y, huyện CĐ uống bia. Tiếp đến, L rủ thêm anh Nguyễn Hữu P và P đi xe mô tô hiệu Suzuki Raider màu đỏ đen, BKS 62L1-752.20 đến nhậu chung. Khoảng 21 giờ cùng ngày, cả nhóm cùng nhau đến thị trấn S, huyện S hát karaoke và trở lại quán "ốc Trung" nhậu tiếp. Đến khoảng 23 giờ, L và B về trước, P rủ C về nhà P tại ấp 5, xã Phước V, huyện CĐ để ngủ, C đồng ý. P đưa xe Raider cho C chở P về nhà. P mở cửa dẫn xe vào nhà sau, rồi khóa cửa lại bằng dây xích và ổ khóa, C và P mỗi người nằm trên một cái võng ngủ, xe mô tô 62L1-752.20 dựng cạnh võng của P. Đến khoảng 23 giờ 30 cùng ngày, C thức dậy và thấy P ngủ say, xe mô tô 62L1-752.20 chìa khóa vẫn còn gắn trên ổ khóa, 01 điện thoại di động hiệu Samsung A50 có gắn sim số 0362.605.542 đang sạc pin trên nền nhà, chùm chìa khóa để cạnh bên. Lúc này, C nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản nên lấy chùm chìa khóa mở khóa cửa, tiếp tục lấy điện thoại di động Samsung A50 bỏ vào túi quần, rồi dẫn xe mô tô 62L1-752.20 ra ngoài tẩu thoát.

Trên đường đi, C thấy xe gần hết xăng nên điều khiển xe về ấp 5, xã Long C, huyện CĐ, mượn tiền của Bùi Văn N để đổ xăng nhưng cửa cổng khóa không vào được. C gọi điện thoại nhưng N không trả lời. C điều khiển xe chạy về thị xã T, tỉnh Bình Dương, khi lưu thông trên Quốc lộ 13, xe bị hết xăng, C đến cây xăng dọc đường (không rõ tên địa chỉ) đổ 60.000 đồng. C lấy điện thoại trộm được, cầm cho

người bán xăng với số tiền 100.000 đồng, trả tiền xăng còn lại 40.000 đồng. C đi đến thị xã T, tỉnh Bình Dương làm nghề sơn nước. C gửi xe mô tô 62L1-752.20 ở phòng trọ của chị Lâm Hồng N và nói xe do C mua. Đến ngày 20/12/2020, C đến Cơ quan CSĐT Công an huyện đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội nêu trên.

Tại Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 68/KL-HĐĐGTS ngày 22/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện CĐ kết luận giá trị tài sản bị thiệt hại của 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Raider, biển số 62L1-752.20 giá 48.960.000 đồng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung A50 giá 2.500.000 đồng; 01 (một) sim điện thoại 0362605542, giá trị phục hồi sim là 30.000 đồng. Tổng cộng 51.490.000 đồng (Năm mươi mốt triệu bốn trăm chín mươi ngàn đồng).

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Võ Văn C, thừa nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Bị cáo trình bày: Bị cáo bị truy cứu về tội "Trộm cắp tài sản" là đúng, không oan sai. Bị cáo không có ý kiến về Kết luận định giá tài sản và lời khai của bị hại có mặt tại phiên tòa, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt mà Hội đồng xét xử công bố tại phiên tòa. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, bị cáo tự nguyện khai báo; không có ai đe dọa, cưỡng ép.

Bị hại anh Nguyễn Hữu P có lời trình bày tại phiên tòa phù hợp với lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa về diễn biến sự việc và hành vi phạm tội của bị cáo. Đối với xe mô tô 62L1-752.20 anh đã nhận lại; riêng 01 điện thoại di động hiệu Samsung A50 có gắn sim số 0362.605.542 chưa nhận lại. Anh P không yêu cầu bị cáo bồi thường và xin không xử lý hình sự với bị cáo.

Những người làm chứng, người có quyền nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng có lời trình bày tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện CĐ phù hợp lời khai của bị cáo, của anh P và diễn biến sự việc đã nêu trên.

Bản Cáo trạng số 10/CT-VKSCĐ ngày 26/3/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện CĐ, tỉnh Long An truy tố bị cáo Võ Văn C về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Võ Văn C phạm tội "Trộm cắp tài sản"; Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Võ Văn C từ 02 năm đến 03 năm tù. Đề nghị miễn phạt tiền theo khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: không đề cập.

Ý kiến của bị cáo, bị hại về quyết định truy tố của Viện kiểm sát: Bị cáo, người bị hại không có ý kiến tranh luận.

Trong lời nói sau cùng: bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng:* Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện CĐ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện CĐ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Xét nội dung vụ án:* Qua tranh tụng tại phiên tòa có căn cứ để Hội đồng xét xử kết luận: Do muốn có phương tiện đi lại, nên vào lúc 23 giờ 30 phút ngày 11/12/2020 tại nhà anh Nguyễn Hữu P, ngụ ấp 5, xã Phước V, huyện CĐ, Võ Văn C đã lợi dụng lúc anh P ngủ say đã lén lút chiếm đoạt tài sản của anh Nguyễn Hữu P gồm 01 xe mô tô 62L1-752.20, 01 điện thoại di động hiệu Samsung A50 có gắn sim số 0362.605.542, với tổng giá trị là 51.490.000 đồng.

Tại Điều 173 của Bộ luật Hình sự quy định:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

..."

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng.

...".

Hành vi của bị cáo Võ Văn C, đã cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình Sự, sửa đổi bổ sung năm 2017. Hội đồng xét xử xét thấy truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện CĐ, tỉnh Long An đối với bị cáo Võ Văn C là có căn cứ. Chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa, tuyên bố bị cáo Võ Văn C phạm tội "Trộm cắp tài sản".

[2.2] *Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[2.3] *Xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Sau khi phạm tội bị cáo ra đầu thú; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thể hiện thái độ thành

khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản đã thu hồi trả cho người bị hại, người bị hại có đơn xin không xử lý hình sự với bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cần xem xét cho bị cáo khi lượng hình như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[2.4] *Xét hình phạt đối với bị cáo:*

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của người bị hại; tác động xấu đến nếp sống văn minh lành mạnh; gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm mới đủ sức răn đe phòng ngừa chung, đảm bảo tính nghiêm minh công bằng của pháp luật; đồng thời giáo dục bị cáo thành người có ích cho gia đình và xã hội. Với tính chất hành vi, khả năng nhận thức của bị cáo, mức độ hậu quả mà bị cáo gây ra, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo. Xét bị cáo không có thu nhập nên chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát miễn phạt tiền theo khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo.

[2.5] *Xét trách nhiệm dân sự:* Đối với xe mô tô 62L1-752.20 Cơ quan điều tra đã thu hồi và trả cho anh P; riêng 01 điện thoại di động hiệu Samsung A50 có gắn sim số 0362.605.542 chưa nhận lại, anh P không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không xét.

[3] *Về án phí*: Bị cáo Võ Văn C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Đối với chị Lâm Hồng N cho bị cáo C gửi xe xe mô tô 62L1-752.20 nhưng không biết xe này do C trộm nên Cơ quan CSĐT Công an huyện CĐ xem xét không xử lý, là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên bố: Bị cáo Võ Văn C phạm tội "**Trộm cắp tài sản**".

Xử phạt bị cáo Võ Văn C: **02** (**Hai**) năm tù. Thời gian chấp hành tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam (ngày 20/12/2020).

Tiếp tục tạm giam bị cáo Võ Văn C 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

Về án phí: Bị cáo Võ Văn C phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc được Tòa án niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Đại diện hợp pháp người bị hại;
- Người bào chữa (Nếu có);
- Người có QLNVLQ;
- VKSND huyện C;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- Cơ quan CSĐT CA huyện CĐ;
- Nhà tạm giữ Công an huyện CĐ;
- Cơ quan Thi hành án Hình sự;
- Cơ quan Thi hành án Dân sự;
- Lưu: Án văn, Hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

HUỲNH HỮU NGHĨA

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). C chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy

định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xoá án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin C thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thí ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khoẻ, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền L, N vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền L cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền L của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền L cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ thự trong dấu [ ].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này

phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:
Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi C lưu bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)